

Bản án số: 09/2019/DS-ST

Ngày 24- 4 - 2019

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng góp họ (Hội)”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Minh Cảnh và bà Nguyễn Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Biên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp họ (Hội)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị D (Đ), sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Vợ chồng bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965 và ông Lê Văn M, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trương Thị D trình bày:

Bà D có tham gia chơi hội do bà T và ông M làm chủ cụ thể như sau: Hội nửa tháng áp ngày 20/01/2017 bà D tham gia chơi 02 chân, trị giá 1.000.000 đồng/01 chân hội, đây hội có tổng cộng 27 người tham gia. Trong đây hội này bà D đóng tổng

cộng số tiền 44.000.000 đồng thì bà T và ông M kêu bể hụi nên không hốt được hụi. Việc chơi hụi không lập sổ sách theo dõi chung.

Vào ngày 01/5/2017 bà T và ông M hỏi vay của bà D 16.000.000 đồng nhưng sau đó không thực hiện đóng lãi và trả vốn.

Như vậy tổng cộng bà T và ông M còn nợ của bà D là 60.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà D yêu cầu bà T và ông M trả số tiền 60.000.000 đồng

Quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T xác nhận có làm chủ dây hụi ngày 20/01/2017 và bà D có tham gia chơi hụi như lời trình bày của bà D là đúng. Ngoài số tiền nợ hụi là 44.000.000 đồng bà T và ông M còn hỏi vay của bà D 16.000.000 đồng. Nay bà T đồng ý trả số nợ 60.000.000 đồng cho bà D nhưng xin trả nợ dần, cứ mỗi năm trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn – Ông Lê Văn M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi về nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Những nội dung các đương sự đã thống nhất: Bà D và bà T thống nhất xác nhận bà T và ông M hiện còn nợ tiền hụi và nợ tiền vay của bà D tổng cộng là 60.000.000 đồng.

Nội dung không thống nhất: Bà T đề nghị trả nợ cho bà D mỗi năm 5.000.000 đồng, bà D không đồng ý cho bà T và ông M trả nợ dần.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Quá trình khởi kiện bà D cung cấp cho Tòa án 01 Đơn yêu cầu của bà D, tại mặt sau của đơn yêu cầu này thể hiện nội dung ông M và bà T thừa nhận có nợ của bà D 60.000.000 đồng và thỏa thuận thời gian trả nợ. Nội dung thỏa thuận được lập có chữ ký của ông M và bà T và có xác nhận Ban lãnh đạo ấp K, xã T vào ngày 20/3/2018. Tại phiên họp công khai chứng cứ ngày 22/02/2019 bà T xác nhận chứng cứ này là đúng và thừa nhận số nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự đều có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

Mặc dù được triệu tập hợp lện nhưng bà T và ông M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ việc chơi hụi và hợp đồng vay tiền, bà D khởi kiện yêu cầu bà T và ông M trả nợ tiền hụi và tiền vay, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp họ (Hụi)”.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bà D và bà T đều thống nhất xác nhận: Vào ngày 20 tháng 01 năm 2017 bà D có tham gia chơi hụi do bà T và ông M làm chủ hụi. Việc chơi hụi không lập sổ theo dõi, không có sổ ghi chép chung. Sau khi hụi bị bể các bên đã thống nhất số tiền hụi mà bà T và ông M phải hoàn trả cho bà D là 44.000.000 đồng, ngoài ra vào ngày 01/5/2017 bà T và ông M còn hỏi vay của bà D số tiền 16.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 22/02/2019 bà D và bà T cùng xác nhận việc ông M và bà T còn thiếu tiền hụi và tiền vay của bà D tổng cộng là 60.000.000 đồng. Từ đó có cơ sở để xác định bà T và ông M có nợ tiền hụi và tiền vay của bà D là sự thật và yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ.

Căn cứ vào Điều 15 Nghị Định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về Hụi, họ, biêu, phường cần buộc bà T và ông M phải giao trả cho bà D số tiền hụi còn lại là 44.000.000 đồng.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự buộc ông M và bà T phải hoàn trả cho bà D số tiền nợ vay là 16.000.000 đồng.

Tổng cộng bà T và ông M còn nợ của bà D số tiền 60.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thêm xin được trả dần số nợ mỗi năm trả 5.000.000 đồng nhưng không được bà D đồng ý do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà T.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí của vụ án: $60.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.000.000 \text{ đồng}$, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc các bị đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà D số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 429, Điều 471, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 15, Điều 24, Điều 27 Nghị Định 144/2006/NĐ-CP ngày 06/4/2006 của Chính Phủ;

- Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị D.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn M có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị D số tiền nợ hui và nợ vay tổng cộng là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Nghĩa vụ trả nợ được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền bà Trương Thị D không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Trương Thị D số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005841 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

3. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 24/4/2019. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án , quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS An Biên;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

Đinh Thị Thơm